

# Hempadur Avantguard 750

## Đặc tính sản phẩm

### Mô tả sản phẩm

Hempadur Avantguard 750 là loại sơn lót epoxy, giàu kẽm, hoạt hóa, tuân thủ các yêu cầu của Cấp 2, loại II trong SSPC Paint-20, 2019 và ISO 12944 phần 5, 2018. Sản phẩm tuân thủ đầy đủ ASTM D520 loại II và Quy định EU 2004/42/EC, Quy định sơn về giới hạn các hợp chất hữu cơ bay hơi: tiêu mục j.

### Khuyến cáo sử dụng

Hempadur Avantguard 750 được khuyến dùng làm sơn lót đa dụng để bảo vệ lâu dài thép trong môi trường có tính ăn mòn rất cao, kể cả trên biển.

### Nhiệt độ sử dụng:

Tối đa, chỉ trong môi trường khô: 160°C [320°F].

### Nhiệt độ sử dụng

- Tối đa, chỉ trong môi trường khô: 160°C [320°F].

### Chứng nhận / Phê duyệt

- Đáp ứng các yêu cầu đối với NORSOK M-501, khi được sử dụng như một phần của hệ thống sơn được xác định trước. Edition 6, system no. 1.
- Tuân thủ theo Tiêu chuẩn Chống cháy châu Âu EN13501-1, lớp phản ứng cháy: B-s1, d0.

### Tính năng

- Giảm tác động của ăn mòn và giúp bảo vệ điện hóa rất xuất sắc.
- Sơn lót nhanh khô có khoáng sơn lại tối thiểu ngắn.
- Sức bền cơ học vượt trội, cả ở nhiệt độ biến đổi theo chu kỳ, độ bền cải tiến khi sơn dày nhờ vào khả năng đàn hồi cao và hiệu quả tự khắc phục chỗ hở.
- Độ bền cao trong điều kiện độ ẩm tương đối cao trong thời gian sơn.
- Đóng rắn ở -10°C [14°F].

## An toàn sản phẩm

Điểm chớp cháy 25°C [77°F]

## Hàm lượng VOC sản phẩm trộn

Cơ sở pháp lý	Giá trị	15% pha loãng, theo thể tích	Giá trị giới hạn, giai đoạn II (2010) <sup>a</sup>
EU	336 g/L [2,80 lb/US gal]	409	500
Hoa Kỳ (sơn phủ)	336 g/L [2,80 lb/US gal]		
Hoa Kỳ (định kỳ)	336 g/L [2,80 lb/US gal]		
Trung Quốc	336 g/L [2,80 lb/US gal]		
Hồng Kông	336 g/L [2,80 lb/US gal]		
Hàn Quốc	336 g/L [2,80 lb/US gal]		

Giá trị VOC có thể thay đổi theo loại sơn bóng, vui lòng tham khảo Bảng dữ liệu an toàn, phần 9. Theo quy tắc cụ thể, xem chi tiết trong phần Chú giải trên trang web của Hempel (hempel.com) hoặc trang web Hempel dành cho địa phương của bạn. <sup>a</sup>Chỉ thị 2004/42/CE của EU.

### Đưa vào sử dụng

Xử lý thận trọng. Trước và trong khi sử dụng, tuân thủ nhãn an toàn trên bao bì và thùng chứa sơn và tuân theo tất cả các quy định an toàn tại địa phương và quốc gia. Luôn tham khảo Bảng dữ liệu an toàn của Hempel cho sản phẩm này cùng với Bảng thông số sản phẩm.

Chỉ sử dụng ở môi trường chuyên nghiệp.

## Dữ liệu sản phẩm

### Mã sản phẩm

1736G

### Thành phần có trong sản phẩm

Phần A 1736U

Chất đóng rắn 97043

### Màu tiêu chuẩn / mã màu

Xám 19840

### Độ bóng

Độ mờ

# Hempadur Avantguard 750

**Hàm lượng chất rắn theo thể tích**  
65 ± 2%

**Trọng lượng riêng**  
2,3 kg/L [19 lb/US gal]

**Độ dày lớp sơn khô tham chiếu**  
60 micron [2,4 mils]

## Xử lý bề mặt

### Độ sạch

- Loại bỏ dầu, mỡ và các chất bẩn khác bằng chất tẩy rửa thích hợp.
- Loại bỏ muối, chất tẩy rửa, chất bẩn và sinh vật biển bám trên tàu bằng nước áp lực cao.

Đóng mới:

- Mài bề mặt bằng ma sát tới tối thiểu Sa 2½ (ISO 8501-1) / SP 10 (SSPC).

### Độ nhám

- Hình thức bề mặt Trung bình (G) (ISO 8503-2)

Tham khảo Hướng dẫn Xử lý Bề mặt riêng của Hempel để biết thêm chi tiết.

## Thi công sơn

### Tỉ lệ pha trộn

Phần A 1736U : Chất đóng rắn 97043  
(8.5 : 1.5 theo thể tích)

Sản phẩm có chứa các hạt/chất màu trôi nổi hoặc hạt lắng cần được khuấy liên tục trong khi sơn. Điều này đặc biệt quan trọng trong trường hợp pha loãng nhiều.

### Dung môi pha loãng

Trên 20°C [68°F] Hempel's Thinner 08450  
Dưới 20°C [68°F] Hempel's Thinner 08510

### Chất làm sạch

Hempel's Tool Cleaner 99610

## Thời gian sống sau khi trộn

Nhiệt độ sản phẩm	0°C [32°F]	20°C [68°F]	40°C [104°F]
Thời gian sống sau khi trộn	5 Giờ	4 Giờ	1½ Giờ

## Phương pháp sơn

Công cụ	Pha loãng thể tích tối đa	Thông số ứng dụng
Phun sơn không dùng khí nén	5%	Áp lực tại đầu béc phun: 220 bar [3200 psi] Cỡ béc phun: 0.017-0.021"
Phun sơn dùng khí nén	10%	
Cọ quét/Con lăn	5%	

Nếu sử dụng cọ quét hoặc con lăn, sẽ cần sơn nhiều lớp để đạt được độ dày sau khi khô quy định. Dữ liệu máy phun mang tính biểu thị và có thể bị điều chỉnh. Áp suất cho nhiệt độ vật liệu 20°C [68°F].

## Độ dày lớp sơn

Dải thông số kỹ thuật	Thấp	Cao	Khuyến dùng
Độ dày màng sơn khô	40 micron [1,6 mils]	100 micron [3,9 mils]	60 micron [2,4 mils]
Độ dày màng sơn ướt	60 micron [2,4 mils]	150 micron [5,9 mils]	90 micron [3,5 mils]
Định mức phủ lý thuyết	16 m <sup>2</sup> /L [650 sq ft/US gal]	6,5 m <sup>2</sup> /L [260 sq ft/US gal]	11 m <sup>2</sup> /L [450 sq ft/US gal]

Sản phẩm có thể được chỉ định với độ dày lớp sơn khác so với thông số tùy theo mục đích và khu vực sử dụng. Điều này sẽ thay đổi tốc độ tán sơn, thời gian khô và lưu hóa và khoảng thời gian sơn lại. Để có hiệu quả tốt nhất, hãy tránh sơn lớp sơn quá dày. Chiều dày quá mức phải được kiểm soát kỹ và không được vượt quá 100 micron [3.9 mils] DFT. Ở những bề mặt bất quy tắc, khuyến nghị xử lý đặc biệt để tránh sơn quá mức.

## Điều kiện thi công sơn

- Nhiệt độ sản phẩm phải trên 15°C [59°F] trong khi sơn.
- Để tránh ngưng tụ, sơn trên bề mặt sạch và khô với nhiệt độ tối thiểu bằng 3°C [5°F] trên điểm đọng sương.
- Nhiệt độ bề mặt phải trên -10°C [14°F] trong thời gian sơn và lưu hóa.
- Nhiệt độ bề mặt phải dưới 40°C [104°F] trong thời gian sơn và lưu hóa.

# Hempadur Avantguard 750

## Độ ẩm tương đối:

- Độ ẩm tương đối phải dưới 95% trong thời gian lưu hóa.

## Thời gian khô và lớp phủ kế

### Sản phẩm tương thích

- Lớp sơn trước: Không có.
- Lớp sơn kế: Theo Thông số kỹ thuật của Hempel.

### Thời gian khô sơn

Surface temperature		-10°C [14°F]	0°C [32°F]	20°C [68°F]	40°C [104°F]
Khô sờ được	min	50	30	10	5
Khô cứng	Giờ	4½	3	1½	½

Được xác định cho độ dày màng sơn bằng 60 micron [2.4 mils] ở điều kiện tiêu chuẩn, xem phần Chú giải của Hempel để biết thêm chi tiết.

### Lớp phủ

Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi hướng dẫn trong bảng sơn phủ

Tên phẩm chất		-10°C [14°F]	0°C [32°F]	20°C [68°F]	40°C [104°F]
Khô khí quyển, nặng					
Hempaprime Multi 500	Tối thiểu	3 h	90 min	45 min	25 min
	Tối đa	90 d	90 d	30 d	7 d
Hempathane HS 55610	Tối thiểu	3 h	90 min	45 min	25 min
	Tối đa	20 d	15 d	5 d	28 h

Sản phẩm có cùng tính chất hóa học sẽ cho biết số lần sơn phủ. Tham khảo thông số kỹ thuật của Hempel để biết thêm thông tin.

### Điều kiện khô sơn

- Để đạt được thời gian khô sơn như đã nêu, quan trọng là phải duy trì đủ thông gió trong quá trình sơn, chờ khô và đóng rắn.

### Chi tiết về công tác sơn lại

- Nếu vượt quá thời gian phủ tối đa, cần mài nhám bề mặt để đảm bảo độ bám dính của lớp sơn.
- Loại bỏ muối kẽm hoặc các tạp chất khác trước khi bắt đầu sơn phủ.

## Các lưu ý khác

- Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi khuyến nghị được đưa ra trong Bảng dữ liệu sản phẩm.

## Lưu trữ

### Hạn dùng

Ambient temperature	25°C [77°F]	35°C [95°F]
Phần A	12 Tháng	9 Tháng
Chất đóng rắn	36 Tháng	24 Tháng

Thời hạn sử dụng khi bảo quản trên kệ tính từ ngày sản xuất, khi bảo quản trong bao bì gốc, đóng kín. Sau thời hạn đó, phải kiểm tra lại chất lượng sản phẩm. Luôn kiểm tra thời hạn sử dụng tốt nhất hoặc ngày hết hạn trên nhãn.

### Điều kiện bảo quản

- Sản phẩm phải được bảo quản theo quy định pháp luật tại địa phương, tối đa 40°C [104°F], không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời và tránh mưa và tuyết.

# Hempadur Avantguard 750

## Tài liệu bổ sung

Có các thông tin khác trên trang web của Hempel [hempel.com](http://hempel.com) hoặc trang web Hempel ở địa phương của bạn:

- Chú thích giải thích các trường trong Bảng dữ liệu sản phẩm này.
- Hướng dẫn Xử lý Bề mặt.
- Hướng dẫn Sơn cho các phương pháp sơn khác nhau.
- Hướng Dẫn Sơn Chung

Bảng dữ liệu sản phẩm này ("PDS") có liên quan đến sản phẩm được cung cấp ("Sản phẩm") và có thể được cập nhật liên tục. Theo đó, người mua/người áp dụng chỉ nên xem bảng PDS được cung cấp cùng với lô Sản phẩm có liên quan (không phải của phiên bản trước đó). Ngoài PDS, người mua/người áp dụng có thể nhận được một số hoặc tất cả các thông số kỹ thuật, báo cáo và/hoặc hướng dẫn được liệt kê dưới đây hoặc có sẵn từ trang web của Hempel trong mục 'Sản phẩm' tại [www.hempel.com](http://www.hempel.com) ("Tài liệu bổ sung"):

No.	Mô tả tài liệu	Địa điểm/ý kiến
1.	Báo cáo kỹ thuật	Tự vấn cụ thể một lần được cung cấp theo yêu cầu cho các dự án cụ thể
2.	Thông số kỹ thuật	Chỉ phát hành cho các dự án cụ thể
3.	PDS	Tài liệu này
4.	Chú giải Bảng dữ liệu sản phẩm	Đăng trên <a href="http://www.hempel.com">www.hempel.com</a> và có thông tin liên quan về các thông số kiểm tra Sản phẩm
5.	Hướng dẫn thi công	Nếu có sẵn, tại <a href="http://www.hempel.com">www.hempel.com</a>
6.	Hướng dẫn kỹ thuật chung (ví dụ: cho thi công sơn và chuẩn bị bề mặt)	Nếu có sẵn, tại <a href="http://www.hempel.com">www.hempel.com</a>

Trong trường hợp có xung đột thông tin giữa PDS và Tài liệu bổ sung, thứ tự ưu tiên của thông tin sẽ theo thứ tự như quy định ở trên. Trong trường hợp như vậy, bạn cũng nên liên hệ với đại diện của mình tại Hempel để làm rõ. Hơn nữa, người mua/người áp dụng phải tuân thủ đầy đủ Bảng Dữ liệu An toàn được cung cấp cho mỗi Sản phẩm và cũng có thể được tải xuống từ [www.hempel.com](http://www.hempel.com).

Hempel sẽ không chịu trách nhiệm về khuyết tật Sản phẩm nếu Sản phẩm không được sử dụng theo các khuyến nghị và yêu cầu được nêu trong PDS có liên quan và Tài liệu bổ sung. Thông tin và các điều khoản miễn trừ trách nhiệm này áp dụng cho PDS này, Tài liệu bổ sung và bất kỳ loại tài liệu khác của Hempel liên quan đến Sản phẩm. Ngoài ra, Sản phẩm và tất cả các hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp đều tuân theo Điều kiện Bán hàng, Giao hàng và Dịch vụ chung của Hempel, trừ khi được thỏa thuận rõ ràng khác bằng văn bản.